

## **NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG SẢN XUẤT VÀI THIỀU THANH HÀ THEO VIETGAP**

### **1. Quy định đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất**

- Vị trí, vùng sản xuất vải thiều Thanh Hà theo VietGAP phải phù hợp với quy hoạch của tỉnh, huyện.
- Vườn vải trồng cách khu công nghiệp, nghĩa trang, bệnh viện từ 500 m trở lên và đất không bị nhiễm kim loại nặng. Nếu vườn vải không nằm trong quy hoạch vùng sản xuất vải thiều an toàn của tỉnh thì cần phân tích đất, nước trước khi trồng. Toàn bộ hồ sơ về vị trí lô đất và kết quả phân tích đất được lưu giữ tại HTX, nhóm sản xuất hoặc tại hộ gia đình để có thể truy nguyên nguồn gốc theo yêu cầu.
- Nếu vùng sản xuất vải thiều Thanh Hà có các nguy cơ ô nhiễm trên mà có thể khắc phục thì phải có cơ sở khoa học chứng minh sự khắc phục nguy cơ ô nhiễm và lưu trong hồ sơ.
- Vùng sản xuất vải thiều Thanh Hà có mỗi nguy cơ ô nhiễm hóa học (kim loại nặng, Nitrate, thuốc BVTV), sinh học (vi khuẩn Salmonella, E.Coli, Coliform), vật lý (xói mòn đất, ngập úng) cao và không thể khắc phục thì không được sản xuất theo VietGAP.

### **2. Quy định về thiết kế vườn**

Phải có sơ đồ bố trí lô, vườn và bảng hiệu để phân biệt các lô, vườn vải thiều của hộ, gia đình, HTX. Sơ đồ cần nêu rõ số lượng cây, tuổi cây, phương pháp nhân giống, hệ thống giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu, hệ thống điện, nhà xưởng, kho để vật tư, phân bón, thuốc BVTV, dụng cụ làm vườn, nơi tập kết sản phẩm, phân loại, vệ sinh, đóng gói, bảo quản....

### **3. Quy định về sử dụng hóa chất (bao gồm cả thuốc bảo vệ thực vật (BVTV))**

- Người lao động và tổ chức, cá nhân sử dụng lao động trong sản xuất vải thiều Thanh Hà phải được tập huấn về phương pháp sử dụng thuốc BVTV và các biện pháp sử dụng bảo đảm an toàn.
- Trường hợp cần lựa chọn các loại thuốc BVTV và chất điều hòa sinh trưởng cho phù hợp với cây vải thiều, cần có ý kiến của người có chuyên môn về lĩnh vực BVTV.
- Nên áp dụng các biện pháp quản lý sâu bệnh tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) nhằm hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV trên cây vải thiều.
- Sử dụng hóa chất trên vườn vải thiều cần tuân theo nguyên tắc “4 đúng” (đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng lúc, đúng cách).
- Các hỗn hợp hóa chất và thuốc BVTV dùng không hết cần được xử lý đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường và đất canh tác vải thiều.
- Sau mỗi lần phun, dụng cụ phải vệ sinh sạch sẽ và thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra. Nước rửa dụng cụ cần được xử lý đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường.
- Kho chứa hóa chất dùng cho vải thiều phải đảm bảo theo quy định, xây dựng ở nơi thoáng mát, an toàn, có nội quy và được khóa cẩn thận. Phải có bảng hướng dẫn và thiết bị sơ cứu. Chỉ những người có trách nhiệm mới được vào kho.
- Không để thuốc BVTV dạng lỏng trên giá phía trên thuốc dạng bột.
- Hóa chất dùng cho vải thiều cần giữ nguyên trong bao bì, thùng chứa chuyên dụng với nhãn mác rõ ràng. Nếu đổi hóa chất sang bao bì, thùng chứa khác, phải ghi rõ đầy đủ tên hóa chất, hướng dẫn sử dụng như bao bì, thùng chứa hóa chất gốc.
- Các hóa chất hết hạn sử dụng hoặc đã bị cấm sử dụng phải ghi rõ trong sổ sách theo dõi và lưu trữ nơi an toàn cho đến khi xử lý theo qui định của Nhà nước.
- Lưu trữ hồ sơ các hóa chất khi mua và khi sử dụng (biểu mẫu đính kèm).
- Không tái sử dụng các bao bì, thùng chứa hóa chất. Vô bao bì, thùng chứa phải thu gom và cất giữ nơi an toàn cho đến khi xử lý theo qui định của Nhà nước.
- Nếu phát hiện dư lượng hóa chất trong quả vải thiều vượt quá mức tối đa cho phép phải dừng ngay việc thu hoạch, mua bán sản phẩm, xác định nguyên nhân ô nhiễm và nhanh chóng áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm. Phải ghi chép cụ thể trong hồ sơ lưu trữ.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất và dư lượng hóa chất có trong quả vải thiều theo yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền. Các chỉ tiêu phân tích phải tiến hành tại các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế về lĩnh vực dư lượng thuốc BVTV.

### **4. Quy định về sử dụng nước tưới**

- Nước tưới cho sản xuất vải thiều Thanh Hà theo VietGAP phải đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn mà Việt Nam đang áp dụng.
- Việc phân tích và đánh giá nguy cơ ô nhiễm hóa chất và sinh học từ nguồn nước sử dụng cho: tưới, phun thuốc BVTV, phải được ghi chép và lưu trong hồ sơ.

- Trường hợp nước của vùng sản xuất vải thiều Thanh Hà không đạt tiêu chuẩn phải thay thế bằng nguồn nước khác an toàn hoặc chỉ sử dụng nước sau khi đã xử lý và kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng. Ghi chép phương pháp xử lý, kết quả kiểm tra và lưu trong hồ sơ.

- Không dùng nước thải công nghiệp, nước thải từ các bệnh viện, các khu dân cư tập trung, các trang trại chăn nuôi, các lò giết mổ gia súc gia cầm, nước phân tươi, nước thải chưa qua xử lý trong sản xuất.

### **5. Quy định về sử dụng phân bón và chất phụ gia**

- Hàng năm phải đánh giá nguy cơ ô nhiễm hóa học, sinh học và vật lý do sử dụng phân bón và chất phụ gia đến chất lượng quả vải thiều Thanh Hà, ghi chép và lưu trong hồ sơ. Nếu xác định có nguy cơ ô nhiễm trong việc sử dụng phân bón hay chất phụ gia, cần áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm lên quả vải thiều

- Chỉ sử dụng các loại phân bón và chất phụ gia có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

- Không sử dụng phân hữu cơ chưa qua xử lý (ủ hoại mục). Trong trường hợp phân hữu cơ được xử lý tại chỗ, phải được ghi lại thời gian và phương pháp xử lý. Trường hợp không tự sản xuất phân hữu cơ, phải có hồ sơ ghi rõ tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân và thời gian cung cấp, số lượng, chủng loại, phương pháp xử lý.

- Các dụng cụ để bón phân cho vải thiều Thanh Hà sau khi sử dụng phải được vệ sinh và phải được bảo dưỡng thường xuyên.

- Nơi chứa phân bón hay khu vực để trang thiết bị phục vụ phối trộn phân bón, chất phụ gia cần được xây dựng và bảo dưỡng để đảm bảo giảm nguy cơ gây ô nhiễm vùng sản xuất vải thiều và nguồn nước tưới.

- Lưu giữ hồ sơ phân bón và chất phụ gia khi mua (ghi rõ nguồn gốc, tên sản phẩm, thời gian và số lượng mua).

- Lưu giữ hồ sơ khi sử dụng phân bón và chất phụ gia (ghi rõ thời gian bón, tên phân bón, địa điểm, liều lượng, phương pháp bón phân và tên người bón).

Tùy theo loại đất, giai đoạn sinh trưởng của cây vải thiều mà phải bón đầy đủ phân cho cây phát triển. Riêng đối với phân chuồng phải có nơi ủ phân chuồng để hạn chế ô nhiễm đất và nguồn nước.

### **6. Quy định về thu hoạch và xử lý sau thu hoạch**

#### **6.1. Thiết bị, vật tư và đồ chứa**

- Thiết bị, thùng chứa hay vật tư tiếp xúc trực tiếp với quả vải thiều phải được làm từ các nguyên liệu không gây ô nhiễm lên sản phẩm.

- Thiết bị, thùng chứa hay vật tư phải đảm bảo chắc chắn và sạch sẽ trước khi sử dụng.

- Thùng đựng phế thải, hóa chất BVTV và các chất nguy hiểm khác phải được ghi rõ ràng và không dùng chung để đựng sản phẩm vải thiều.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị, dụng cụ nhằm hạn chế nguy cơ ô nhiễm lên sản phẩm vải thiều.

- Thiết bị, thùng chứa quả vải thiều sau thu hoạch và vật liệu đóng gói phải cất giữ riêng biệt, cách ly với kho chứa hóa chất, phân bón và chất phụ gia và có các biện pháp hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm.

#### **6.2. Thiết kế và nhà xưởng**

- Cần hạn chế đến mức tối đa nguy cơ ô nhiễm ngay từ khi thiết kế, xây dựng nhà xưởng và công trình phục vụ cho việc gieo trồng, xử lý, đóng gói, bảo quản vải thiều.

- Khu vực xử lý, đóng gói và bảo quản quả vải thiều phải tách biệt khu chứa xăng, dầu, mỡ và máy móc nông nghiệp để phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm lên sản phẩm.

- Phải có hệ thống xử lý rác thải và hệ thống thoát nước nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm đến vùng sản xuất và nguồn nước cho vườn vải thiều và nhà xưởng.

- Các bóng đèn chiếu sáng trong khu vực sơ chế, đóng gói vải thiều phải có lớp chống vỡ. Trong trường hợp bóng đèn bị vỡ và rơi xuống sản phẩm vải thiều, phải loại bỏ sản phẩm và làm sạch khu vực đó.

- Các thiết bị dụng cụ đóng gói, xử lý sản phẩm phải có rào ngăn cách đảm bảo an toàn.

#### **6.3. Vệ sinh nhà xưởng**

- Nhà xưởng phải được vệ sinh bằng các loại hóa chất thích hợp theo qui định không gây ô nhiễm lên sản phẩm vải thiều và môi trường.

- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ.

#### **6.4. Phòng chống dịch hại**

- Phải cách ly gia súc, gia cầm khỏi khu vực sơ chế, đóng gói và bảo quản quả vải thiều.

- Phải có các biện pháp ngăn chặn các vi sinh vật lây nhiễm vào các khu vực sơ chế, đóng gói và bảo quản vải thiều.

- Phải đặt đúng chỗ bả và bẫy để phòng trừ dịch hại và đảm bảo không làm ô nhiễm quả vải thiều, thùng chứa và vật liệu đóng gói. Phải ghi chú rõ ràng vị trí bả và bẫy.

#### 6.5. Vệ sinh cá nhân

- Người lao động cần được tập huấn kiến thức và cung cấp tài liệu cần thiết về thực hành vệ sinh cá nhân và phải được ghi trong hồ sơ.

- Nội qui vệ sinh cá nhân phải được đặt tại các địa điểm dễ thấy.

- Cần có nhà vệ sinh và trang thiết bị cần thiết ở nhà vệ sinh và duy trì đảm bảo điều kiện vệ sinh cho người lao động.

- Chất thải của nhà vệ sinh phải được xử lý.

#### 6.6. Xử lý sản phẩm

- Chỉ sử dụng các loại hóa chất (Chlorine, nước Ozone...), chế phẩm, màng sập cho phép trong quá trình xử lý sau thu hoạch vải thiều.

- Xử lý quả vải thiều bằng phương pháp vật lý như xử lý nhiệt, chiếu xạ... để diệt nấm bệnh và sinh vật gây hại trong quá trình bảo quản.

- Nước sử dụng cho xử lý quả vải thiều sau thu hoạch phải đảm bảo chất lượng.

#### 6.7. Bảo quản và vận chuyển

- Dùng bao polyetylen có đục 20 – 30 lỗ đường kính 0,5 mm để bao và hàn kín bao kết hợp với nhiệt độ lạnh dưới 10°C, có thể bảo quản vải tươi trong vòng 1 tháng.

- Có thể dùng thùng xốp đựng đá lạnh để bảo quản, phương pháp này có thể giúp bảo quản vải quả tươi trong vòng 15-20 ngày.

- Phương pháp xử lý tác nhân ion hoá kết hợp với kỹ thuật kho lạnh (12 – 14°C) có thể bảo quản quả vải tươi trong phạm vi đến 03 tuần mà chất lượng vẫn đảm bảo tốt. Màu sắc, độ tươi, hương thơm và vị ngọt được duy trì. Tỷ lệ hư hao về thương phẩm không vượt quá 20%, trong đó tỷ lệ hư hỏng mất giá trị sử dụng không vượt quá 10%.

- Bảo quản bằng dung dịch Anolyte: Sau 7 ngày độ tươi của vỏ quả đạt từ 90 – 95%, màu sắc vỏ quả đạt chất lượng từ 75 – 85% so với quả vừa mới thu hái, hầu như không thấy có hiện tượng rụng cuống ở quả, bắt đầu có hiện tượng nám xuất hiện trên cuống quả và rám trên bề mặt vỏ quả

- Quy công nghệ bảo quản vải thiều tươi của Nhật và Hàn Quốc Về chất lượng: còn khoảng 75% (giảm so với vải tươi); nhưng màu sắc vỏ quả thay đổi (sau 1 giờ lấy ra khỏi kho), thời gian bảo quản được trên 6 tháng.

- Bảo quản theo quy trình của Viện NC rau quả kết hợp xông khí lưu huỳnh với nhúng axit loãng và bảo quản lạnh giữ được vải tươi 25-30 ngày, Tỷ lệ quả thương phẩm đạt 90 – 95%, vỏ quả không bị biến màu ít nhất sau 02 ngày sau khi ra kho, đạt tiêu chuẩn ngành TCN 204 – 94.

- Điều kiện vận chuyển: vải thiều nên được vận chuyển lúc trời mát hoặc buổi tối, tốt nhất trong container lạnh dưới 10°C, độ thông khí 20 – 25 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương tiện vận chuyển phải được làm sạch trước khi xếp thùng chứa sản phẩm.

- Không bảo quản và vận chuyển sản phẩm vải thiều chung với các hàng hóa khác có nguy cơ gây ô nhiễm sản phẩm.

- Phải thường xuyên khử trùng kho bảo quản và phương tiện vận chuyển vải thiều.

#### 7. Quy định về quản lý và xử lý chất thải

Phải có biện pháp quản lý và xử lý chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, sơ chế và bảo quản sản phẩm.

#### 8. Quy định về người lao động

##### 8.1. An toàn lao động.

- Người được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng hóa chất cho vải thiều phải có kiến thức, kỹ năng về hóa chất và kỹ năng ghi chép.

- Tổ chức và cá nhân SX vải thiều phải cung cấp trang thiết bị, áp dụng các biện pháp sơ cứu cần thiết và đưa đến bệnh viện gần nhất khi người lao động bị nhiễm hóa chất.

- Có tài liệu hướng dẫn các bước sơ cứu, có bảng hướng dẫn tại kho chứa hóa chất.

- Người được giao nhiệm vụ xử lý và sử dụng hóa chất cho vải thiều hoặc tiếp cận các vùng mới phun thuốc phải được trang bị quần áo bảo hộ và thiết bị phun thuốc.

- Quần áo bảo hộ lao động phải được giặt sạch, không được để chung với thuốc BVTV

- Phải có biển cảnh báo vùng sản xuất vải thiều vừa mới được phun thuốc.

##### 8.2. Điều kiện làm việc

- Nhà làm việc thoáng mát, mật độ người làm việc hợp lý, điều kiện làm việc phải đảm bảo và phù hợp với sức khỏe người lao động và phải được cung cấp quần áo bảo hộ.

- Các phương tiện, trang thiết bị, công cụ (các thiết bị điện và cơ khí) phục vụ cho sản xuất, bảo quản, chế biến vải thiều phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng nhằm tránh rủi ro gây tai nạn cho người sử dụng.

- Phải có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng.

### **8.3. Phúc lợi xã hội của người lao động**

- Tuổi lao động phải phù hợp với các qui định của pháp luật Việt Nam.

- Khu nhà ở cho người lao động phải phù hợp với điều kiện sinh hoạt và có những thiết bị, dịch vụ cơ bản.

- Lương, thù lao cho người lao động phải hợp lý, phù hợp với luật lao động của VN.

### **8.4. Đào tạo:**

- Trước khi làm việc trong dây chuyền sản xuất vải thiều, người lao động phải được thông báo về những nguy cơ liên quan đến sức khỏe và điều kiện an toàn.

- Người lao động phải được tập huấn công việc trong các lĩnh vực dưới đây:

+ Phương pháp sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ SX vải thiều.

+ Các hướng dẫn sơ cứu tai nạn lao động trên vườn vải thiều và nhà xưởng.

+ Sử dụng an toàn các hóa chất, vệ sinh cá nhân.

### **9. Quy định ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm**

- Tổ chức và cá nhân sản xuất vải thiều theo VietGAP phải ghi chép và lưu giữ đầy đủ nhật ký sản xuất, nhật ký về thuốc BVTN, phân bón, bán sản phẩm ...

- Tổ chức và cá nhân SX vải thiều theo VietGAP phải tự kiểm tra hoặc thuê kiểm tra viên, kiểm tra nội bộ việc thực hiện SX, ghi chép, lưu trữ hồ sơ đã đạt yêu cầu chưa. Nếu chưa đạt yêu cầu thì phải có biện pháp khắc phục và phải được lưu trong hồ sơ.

- Hồ sơ phải được thiết lập cho từng chi tiết trong các khâu thực hành VietGAP và được lưu giữ tại cơ sở sản xuất vải thiều và phải được lưu trữ ít nhất hai năm hoặc lâu hơn nếu có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan quản lý.

- Sản phẩm vải thiều sản xuất theo VietGAP phải được ghi rõ vị trí và mã số của lô sản xuất. Vị trí và mã số của lô sản xuất phải được lập hồ sơ và lưu trữ.

- Bao bì, thùng chứa sản phẩm vải thiều cần có nhãn mác để giúp việc truy nguyên nguồn gốc được dễ dàng. Mỗi khi xuất hàng, phải ghi chép rõ thời gian cung cấp, nơi nhận và lưu giữ hồ sơ cho từng lô sản phẩm vải thiều.

- Khi phát hiện sản phẩm bị ô nhiễm hoặc có nguy cơ ô nhiễm, phải cách ly lô SP đó và ngừng phân phối. Nếu đã phân phối, phải thông báo ngay đến người tiêu dùng.

- Điều tra nguyên nhân ô nhiễm vải thiều và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tái nhiễm, đồng thời có hồ sơ ghi lại nguy cơ và giải pháp xử lý.

### **10. Quy định kiểm tra nội bộ**

- Tổ chức và cá nhân sản xuất vải thiều theo VietGAP phải tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần. Việc kiểm tra phải được thực hiện theo bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong, tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất và định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

- Tổ chức và cá nhân sản xuất vải thiều theo VietGAP phải tổng kết và báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

### **11. Quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

- Tổ chức và cá nhân sản xuất vải thiều theo VietGAP phải có sẵn mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng có yêu cầu.

- Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức và cá nhân sản xuất vải thiều theo VietGAP phải có trách nhiệm giải quyết theo qui định của pháp luật, đồng thời lưu đơn khiếu nại và kết quả giải quyết vào hồ sơ.